

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lương Minh Côn
2, Ông Nguyễn Việt Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên: Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** **Chị Bàn Thị K**, sinh năm 1985

+ **Bị đơn:** **Anh Phạm Văn C**, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C1 hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Bắc Kạn năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh C2 xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C3 tuồng. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế khó khăn và không thấu hiểu nhau. Anh C4 tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu về chửi mắng vợ con và có hành vi bạo lực với vợ. Từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, chị thuê nhà trọ ra sống riêng cùng với con gái từ tháng 11 năm 2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Bàn Hoàng N, sinh ngày 09/11/2007 và Phạm Bàn Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2014. Hiện cháu N1 sống cùng anh C5 cháu Quỳnh A1 ở cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A2 Chị nuôi cháu NVề cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hiện nay khoản nợ chung của vợ chồng đang được Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý giải quyết bằng vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

Bị đơn anh Phạm Văn C xác nhận các nội dung chị K trình bày về việc kết hôn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng là đúng. Quá trình giải quyết vụ án, anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn chờ giải quyết xong vụ án vay nợ với Ngân hàng thì mới giải quyết ly hôn nhưng tại phiên tòa, anh xác định nếu chị K1 quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Bàn Hoàng N và Phạm Bàn Q Anhur chị K2 bày. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và nhường quyền nuôi con thứ hai cho chị K. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 371, tờ bản đồ số 12 có địa chỉ tại tổ H, phường T, TP .đã được cấp GCNQSD đất ngày 27/9/2012 mang tên cả hai vợ chồng hiện đang là tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Q1(V không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng có khoản nợ chung vay Ngân hàng Q1(V và hiện nay anh chị đang giải quyết với ngân hàng trong vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/DSST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Tại đơn trình bày của cháu Phạm Bàn Hoàng N2 cháu Phạm Bàn Quỳnh A, cháu N3 hiện nguyện vọng được ở với bố, cháu Quỳnh A3 nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị Kiều. Cho chị K được ly hôn anh C. Về con chung: Giao con Phạm Bàn Hoàng N cho anh C6 tiếp nuôi dưỡng; giao con Phạm Bàn Quỳnh A cho chị K3 tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị K chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn cư trú tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] **Về nội dung:** Chị Bàn Thị K4 anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Kạn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, có cơ sở xác định: Chị K và anh C sau khi kết hôn đã chung sống hạnh phúc trong nhiều năm, cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Chị K5 rằng do anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thiếu tôn trọng vợ và có hành vi bạo lực với vợ. Phía anh C cho rằng chị K6 xuyên vay nợ nhiều nơi mà không rõ dùng vào việc gì khiến cho vợ chồng thường xảy ra bất đồng. Khi mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã tiến hành hòa giải đê vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị K vẫn quyết định xin ly hôn. Tại phiên tòa, anh C7 xác định nếu chị K7 quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“ 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, từ năm 2023 đến nay chị K và anh C8 tể không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh C9 quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Bàn Thị K4 anh Phạm Văn C có 02 con chung là Phạm Bàn Hoàng N4 ngày 09/11/2007 và Phạm Bàn Q Asinh ngày 09/9/2014. Chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng con thứ hai là Phạm Bàn Quỳnh A và nhường quyền nuôi con đầu là Phạm Bàn Hoàng N5 anh C6 tiếp nuôi dưỡng. Anh Chương cũng có nguyện vọng được nuôi con đầu và nhường quyền nuôi con thứ hai cho chị K. Hội đồng xét xử thấy, tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1....

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”

Xét thấy, các đương sự đều xác định có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con, điều này cũng phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung. Do vậy, có căn cứ để giao cho mỗi người nuôi một con, anh C10 con đầu, chị K8 con thứ hai. Các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thoả thuận hoặc khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều: 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thị K đối với anh Phạm Văn C.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị K ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Chị Bàn Thị K4 anh Phạm Văn C có 02 con chung là Phạm Bàn Hoàng N4 ngày 09/11/2007 và Phạm Bàn Q Asinh ngày 09/9/2014. Giao con Phạm Bàn Hoàng N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Bàn Quỳnh A cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh C và chị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Án phí: Chị Bàn Thị K10 C2 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005613 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị K và anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND H. Đại Từ;
- Chi cục THADS H. Đại Từ;
- UBND xã Tân Sơn, H.Chợ Mới, Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị An

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Chu Hồng T

2, Bà Hà Thị L

Căn cứ vào Điều 210 và Điều 236 Bộ luật tố tụng Dân sự

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án vụ án ly hôn giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kim C12**, sinh năm 1978

Địa chỉ: TDP T, TT. H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

+ **Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn A4**, sinh năm 1965

Địa chỉ: TDP T, TT. H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ điều 27, Điều 33, Điều 35, 131, khoản 1 Điều 182, điểm b khoản 2 Điều 199 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã thẩm tra tại phiên toà, sau khi xem xét toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim C12, cho chị C12 được ly hôn với anh Hoàng Văn A4.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Giao cho chị C4 trực tiếp nuôi dưỡng cháu N6 T1 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Hoàng V A1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các con chung Hoàng B T2 sinh năm 1999 và Hoàng Đức M năm 2002 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), hội đồng xét xử không xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không giải quyết do chị T2 không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C4 chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005453 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Vũ Thị An

**Tou ,n nh©n d©n
Thunh phè Th,i Nguy^an**

**Céng hoµ x· héi chñ nghŰa viÖt nam
§éc lĒp - Tù do - H'nh phóc**

*TP. Th,i nguy^an, nguy 12 th,ng 8 n'ım
2015*

Bi^an b¶n Th¶o LuĒn

Tou ,n nh©n d©n thunh phè Th,i nguy^an

ThĒm ph,n - Chñ to¹ phi^an tou: Bµ NguyÔn Th¶ Thu Hà

C,c Héi thĒm nh©n d©n: Ông Trần Tuấn H bà Hà Thị Hồng P

C'n cơ vµo §iÒu 199 vµ §iÒu 208 Bé luĒt Tè tông d©n sù;

Vµo hải 8 giê 00 phót nguy 12 th,ng 8 n'ım 2015, t'i phßng ngh¶ ,n,
Héi ®ång xĐt xõ s⁻ thĒm ®· tiÕn hµnh th¶o luĒn ®èi víi vô ,n H«n nh©n
gia ®×nh gi÷a:

- **Nguy^an ®-n:** Chị Dương Hương T

- **B¶ ®-n:** Anh Trần M1 H1

Tại phiên tòa b¶ ®-n lµ anh Trần M1 H1 v^{3/4}ng mÆt lÇn ®Çu kh«ng
cã lý do Héi ®ång xĐt xõ th¶o luĒn và nhĒt trÝ nh sau:

- ,p dông ®iÒu luĒt: §iÒu 199, §iÒu 208 Bé luĒt tè tông D©n sù Héi
®ång xĐt xõ quyÕt ®¶nh ho·n phi^an tou.

Phi^an tou ®íc mẽ l'i vµo thêi gian tiÕp theo.

Bi^an b¶n lµm xong ®· ®ác l'i, c,c thunh vi^an trong Héi ®ång xĐt xõ
cũng nghe vµ ký t^an dúi ®Cy.

C,c héi thĒm nh©n d©n

ThĒm ph,n - Chñ to¹ phi^an tou

Nguyễn Thị Thu H2